

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HC-ST

Ngày 09 - 6 - 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh;

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 39/2019/TLST-HC ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2020/QĐST-HC ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Văn S, sinh năm 1950; nơi cư trú: Đường 10, thôn NG, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Kim L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Chợ CĐ, phường DH, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Người bị kiện: CT UBND huyện VB, trụ sở: Đường 20/8, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Trần Thị C – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện VB; có mặt

+ Ông Vũ Bá T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB; có mặt

+ Bà Bùi Thị Ngọc L - Chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện VB; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn C – PCT UBND huyện VB; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 (Gửi Tòa án ngày 04/12/2018), các đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là Ông Dương Văn S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1982, gia đình có khai hoang, phục hóa 360m² đất không canh tác tại mang cống Kênh Trang (Nam giáp Quốc lộ (QL) 10, Bắc giáp sông Đức) thuộc thôn NG, xã VQ, huyện VB.

Tháng 02/2002, gia đình ông S có đơn xin chuyển đổi diện tích 95% là 2 sào 12 thước (972m²) mà gia đình đang cấy lúa, phía Bắc giáp QL10 (khu vực cây xăng Phúc Loan) để UBND xã Vinh Quang làm quy hoạch khu dân cư, còn gia đình ông S được hợp thức hóa 360m² đất khai hoang làm đất ở, kinh doanh dịch vụ và đã được UBND xã Vinh Quang chấp thuận giao tạm thời, chờ làm các thủ tục tiếp theo.

Năm 2002, gia đình ông S có đơn xin thêm đất làm quán kinh doanh dịch vụ và cũng được UBND xã chấp thuận với điều kiện gia đình ông S phải nộp 2 triệu đồng tiền lệ phí vào ngân sách xã. Cuối năm 2002, gia đình ông làm quán kinh doanh dịch vụ với diện tích khoảng 42m² (một phần vào diện tích đất ở, một phần vào diện tích đất đã nộp tiền ngân sách).

Năm 2015, khi thu hồi thực hiện Dự án nâng cấp QL10, nhà nước đã thu hồi của gia đình ông 42m² đất nhưng không bồi thường tiền đất mà chỉ hỗ trợ 30% vật kiến trúc trên đất.

Theo ông S, gia đình ông khai hoang đất từ năm 1982, theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013 đủ tiêu chuẩn để bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Do không đồng ý với Phương án bồi thường hỗ trợ (BTHT) của UBND huyện VB nên ông S đã làm đơn khiếu nại. Ngày 18/12/2017, UBND huyện VB đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7462/QĐ-UBND. Ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7462/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện VB.

Tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện đã nộp cho Tòa án. Đồng thời thống nhất trình bày: Đề nghị bồi thường 100% công trình vật kiến trúc là gian quán dịch vụ trên diện tích đất 42,8m² chứ không phải là hỗ trợ 30% mức giá quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố.

Người bị kiện là UBND huyện VB và Chủ tịch UBND huyện VB đều thống nhất trình bày:

Tại Quyết định số 7462 ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện VB đã giải quyết đối với khiếu nại của ông S về các nội dung cụ thể như sau:

- Thứ nhất, QĐ phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp QL10 năm 2015 chưa đúng, chưa đủ diện tích bị thu hồi thuộc trường hợp được bồi thường về đất:

+ Theo sổ theo dõi diện tích đất nông nghiệp của cơ sở thôn Nhân Giả thể hiện: Năm 1994 ông S được giao 2.724m² đất nông nghiệp (2.016m² đất 95%, 708m² đất 5% công ích giao khoán). Năm 2002 UBND xã Vinh Quang quy hoạch khu dân cư phía Nam Quốc lộ 10, hộ ông S có 972m² đất 95% nằm trên khu vực được quy hoạch, UBND xã Vinh Quang đã thu hồi diện tích nêu trên để giao cho các hộ làm nhà ở, điều chỉnh diện tích đất 95% cho hộ ông S ra vị trí khác cùng xứ đồng là 360m².

Hiện tại hộ ông S đã được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất nông nghiệp diện tích 2.016m², đủ diện tích 95% được giao năm 1994 là 2.016m².

Tại Kết luận số 192 ngày 05/5/2006 của UBND huyện VB giải quyết tố cáo của công dân đối với UBND xã Vinh Quang và Ông Dương Văn S thể hiện nội dung về kết quả kiểm tra, xác minh và kết luận: Khu đất của Ông Dương Văn S hiện đang sử dụng là hành lang QL10, do UBND xã trực tiếp quản lý. Ngày 07/7/2002 chủ tịch UBND xã đã cho phép ông S mở quán kinh doanh và thu lệ phí 2.000.000 đồng. Ngày 08/7/2002, Chủ tịch UBND xã Vinh Quang xác nhận cho ông S làm quán và sử dụng phần đất phía cuối giáp cống 16m, yêu cầu gia đình không được làm cản trở chân cầu cống và lề đường khi nhà nước sử dụng, thu hồi phải tự nguyện chấp hành... Căn cứ Luật đất đai 2003, Luật Giao thông đường bộ (GTĐB) và kết quả kiểm tra xác minh, UBND xã Vinh Quang đã vi phạm Luật đất đai năm 1993, 2003, Luật GTĐB về quản lý bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ. Trách nhiệm thuộc về ông Nguyễn Duy H (nguyên Chủ tịch xã), ông Phạm Quốc S1 (cán bộ địa chính), ông Vũ Đức D (thủ quỹ ngân sách xã). UBND huyện đã yêu cầu UBND xã Vinh Quang hủy bỏ việc thu lệ phí mở quán kinh doanh trái quy định, tiến hành lập hồ sơ xử lý vi phạm đối với các hộ trên hành lang an toàn giao thông tuyến QL10 theo quy định.

Như vậy, diện tích đất hộ ông S đang sử dụng một phần thuộc đất nông nghiệp do UBND xã Vinh Quang tạm giao cho ông S làm quán kinh doanh, một phần thuộc đất QL10 cũ.

Tại trích lục nguồn gốc đất do UBND xã Vinh Quang lập ngày 06/7/2016 thể hiện một phần diện tích đất hộ gia đình ông S đang sử dụng thuộc nền QL10 cũ, một phần diện tích đất được UBND xã Vinh Quang cho thuê để mở quán kinh doanh.

Đối chiếu kết quả đo đạc kiểm kê thực địa thực hiện Dự án nâng cấp QL10 năm 2015 với Bản đồ giải thửa lập năm 1994, Bản đồ địa chính phục vụ giải phóng

mặt bằng (GPMB) năm 2000, Mảnh trích đo địa chính năm 2015, diện tích đất thu hồi đối với hộ ông S năm 2015 là đất nền QL10 cũ và nằm ngoài diện tích đất được UBND xã Vinh Quang cho thuê để mở quán kinh doanh. Như vậy phần đất bị thu hồi là đất công trình đường bộ, UBND xã không giao, không cho thuê, không thu tiền sử dụng đất do vậy không được đền bù về đất theo Công văn 4549 ngày 25/12/2015 của UBND thành phố Hải Phòng.

- Thứ hai, UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất, không giao quyết định thu hồi đất: Diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp QL 10 là đất công trình đường bộ do hộ ông S tự ý sử dụng, không được bồi thường hỗ trợ về đất nên UBND huyện không thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Thứ ba, chưa thực hiện việc công khai, công bố đầy đủ thông tin trong việc bồi thường GPMB theo Điều 69 Luật Đất đai năm 2013: UBND huyện, hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đã phối hợp với UBND xã Vinh Quang thực hiện công khai và niêm yết công khai các văn bản liên quan đến đền bù, hỗ trợ GPMB cho ông S, tổ chức tiếp nhận và trả lời kiến nghị của ông S theo quy định.

- Thứ tư, không cung cấp thông tin, tài liệu liên quan để hộ gia đình xác định đúng quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với các thông tin, tài liệu về GPMB: đã niêm yết, công khai theo quy định

Đối với thông tin khác liên quan đến công tác quản lý đất đai: Đề nghị hộ gia đình liên hệ UBND xã Vinh Quang, Phòng TNMT huyện để được cung cấp.

Đối với thông tin tài liệu liên quan đến quy hoạch, cấm mốc hành lang giao thông QL10: Không thuộc thẩm quyền thuộc UBND huyện

- Thứ năm, tổ chức cưỡng chế, phá dỡ tài sản khi gia đình chưa bàn giao mặt bằng: UBND huyện chưa ban hành QĐ áp dụng biện pháp cưỡng chế và chưa thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với hộ ông S.

Chủ tịch UBND huyện giữ nguyên các quan điểm tại nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 7462/QĐ-UBND ngày 18/12/2017. Yêu cầu bồi thường 100% giá trị công trình vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

Về Tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 38 Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án hành chính về việc khiếu kiện đối với quyết định hành chính giữa Ông Dương Văn S và Chủ tịch UBND huyện VB. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện VB vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt là đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

+ Về thẩm quyền ban hành và trình tự thủ tục: Căn cứ khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất. Do đó, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân có đất hoặc có tài sản trên đất bị thu hồi. Chủ tịch UBND huyện VB ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đúng theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

+ Về nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Theo Thông báo thu hồi đất số 1311 ngày 21/8/2015, hộ ông S bị thu hồi diện tích đất tại thửa số 02 tờ bản đồ số 01 bản đồ giải thửa xã Vinh Quang, huyện VB. Diện tích đất bị thu hồi theo Biên bản kiểm kê tài sản có kích thước (ngang 6,4 x sâu 6,6 = 42,24m²). Tại trích lục nguồn gốc đất thể hiện diện tích bị thu hồi của gia đình ông S là 42,8m², là đất nền mặt đường 10 cũ, ông S được UBND xã cho phép sử dụng tạm thời từ năm 2002.

Theo các phương án bồi thường hỗ trợ đã phê duyệt, hộ ông S được hỗ trợ về vật kiến trúc, cây trồng và hỗ trợ sản xuất kinh doanh 04 đợt với số tiền là: 44.843.867 + 8.721.051 + 22.279.310 + 2.732.330 = 78.576.558 (bảy mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi tám) đồng. Ông S đã nhận đủ.

Theo Bản đồ địa chính năm 2000 phục vụ việc thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo đường 10, tỷ lệ 1:500, thể hiện: Mặt đường Quốc lộ 10 rộng 1,2 cm tương đương 6m trên thực tế. Chỉ giới GPMB năm 2000 không thu hồi về phía nhà ông S mà mở rộng về phía đối diện. Chỉ giới GPMB nằm trên mặt đường Quốc lộ 10, nằm cách mép đường tại vị trí nhà ông S 0,9 cm, tương đương 4,5m.

Theo Bản đồ chồng ghép giải phóng mặt bằng năm 2000 và 2015, chỉ giới GPMB năm 2015 cách chỉ giới GPMB năm 2000 một cạnh là 0,4 cm; một cạnh 0,5cm, tương ứng 2 – 2,5 m trên thực tế, xê dịch về phía nhà ông S.

Như vậy, chỉ giới GPMB năm 2015 còn cách mép đường quốc lộ 10 năm 2000 tại vị trí đất nhà ông S là 2,5 – 2 mét, diện tích đất thu hồi năm 2015 vẫn nằm trong diện tích mặt đường quốc lộ 10 cũ, là đường giao thông do hộ ông S tự sử dụng, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường về đất khi thu hồi.

- Vì diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp QL 10 là đất công trình đường bộ do hộ ông S tự ý sử dụng, không được bồi thường hỗ trợ về đất nên UBND huyện VB không thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 là đúng quy định. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện trên của Ông Dương Văn S là không có căn cứ để chấp nhận.

- Về việc công khai, công bố các thông tin việc bồi thường GPMB: UBND huyện VB đã thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Về tổ chức cưỡng chế, phá dỡ tài sản khi gia đình chưa bàn giao mặt bằng: UBND huyện chưa thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với hộ ông S.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện VB đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định, đúng thẩm quyền và căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện không phải nộp án phí vì là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện và đối tượng khởi kiện:

[1] Theo Đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 7642/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND huyện VB ban hành ngày 18/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các nội dung về phê duyệt phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 tại xã Vinh Quang. Căn cứ Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 04/12/2018, người khởi kiện gửi đơn đến Tòa án khởi kiện đối với Quyết định hành chính số 7462/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện VB. Như vậy việc khởi kiện vẫn còn thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 166 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] *Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:* Căn cứ khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất. Do đó, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân có đất hoặc có tài sản trên đất bị thu hồi. Chủ tịch UBND huyện VB ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đúng theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] *Về trình tự thủ tục ban hành, thẩm định phương án bồi thường, phê duyệt phương án bồi thường:*

- Về việc phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ GPMB: Theo Sổ mục kê, bản đồ dải thửa năm 1994 xã Vinh Quang, hộ Ông Dương Văn S sử dụng thửa đất 02, 03, tờ bản đồ số 01 bản đồ dải thửa xã Vinh Quang do UBND xã Vinh Quang tạm giao năm 2002 có chiều rộng 20m, chiều sâu của thửa đất từ 5-7,5m, tương ứng với diện tích 134m², vị trí thửa đất từ chân quốc lộ 10 cũ trước năm 2000 đến mép sông. Theo Thông báo thu hồi đất số 1311 ngày 21/8/2015, hộ ông S bị thu hồi diện tích đất tại thửa số 02 tờ bản đồ số 01 bản đồ giải thửa xã Vinh Quang, huyện VB. Diện tích đất bị thu hồi theo Biên bản kiểm kê tài sản có kích thước (ngang 6,4 x sâu 6,6 = 42,24m²). Tại trích lục nguồn gốc đất thể hiện diện tích bị thu hồi của gia đình ông S là 42,8m², là đất nền mặt đường 10 cũ, ông S được UBND xã cho phép sử dụng tạm thời từ năm 2002.

Theo các phương án bồi thường hỗ trợ đã phê duyệt, hộ ông S được hỗ trợ về vật kiến trúc, cây trồng và hỗ trợ sản xuất kinh doanh 04 đợt với số tiền là: $44.843.867 + 8.721.051 + 22.279.310 + 2.732.330 = 78.576.558$ (bảy mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi tám) đồng. Ông S đã nhận đủ. Như vậy Chủ tịch UBND huyện VB đã thực hiện đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

- *Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:*

[5] Xét nguồn gốc diện tích đất bị Nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp QL10 năm 2015:

Người bị kiện là ông S cho rằng diện tích đất thu hồi thực hiện dự án QL 10 năm 2015 thuộc diện tích đất UBND xã Vinh Quang đã chấp thuận đổi phần đất canh tác theo Biên bản ngày 08/02/2002 cho gia đình ông và phần đất cho phép làm quán mở dịch vụ kinh doanh theo đơn đề nghị ngày 07/7/2002 đã được phê duyệt.

Ngày 01/01/1995, Ông Dương Văn S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 05 thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích $1.512m^2$ tại thôn NG, xã VQ, huyện VB. Thời hạn sử dụng 20 năm kể từ 30/6/1994. Ngày 05/02/2002, ông S có đơn đề nghị UBND xã Vinh Quang về việc tự nguyện nhượng 02 sào 12 thước đất 95% của gia đình đang cấy lúa ven đường QL10 để xã cấp đất ở cho dân và xin nhận phần đất khai hoang (tại đơn không nói rõ vị trí), mong muốn UBND xã sau này sẽ cấp làm đất ở để mở quán kinh doanh. Đến năm 2003, sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa, UBND xã Vinh Quang đã giao đất nông nghiệp (đất 95%) cho hộ Ông Dương Văn S, diện tích $2.015m^2$, đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đủ theo định mức giao đất tại xã Vinh Quang, nhiều hơn phần đất đã cấp GCNQSDĐ nông nghiệp năm 1995 cấp cho hộ gia đình ông. Ngày 08/02/2002, UBND xã Vinh Quang lập biên bản chuyển đổi mục đích đất sử dụng làm quán căn cứ theo “đơn đề nghị xin chuyển đổi phần đất 95%” của gia đình ông S, trong đó “UBND xã Vinh Quang nhất trí giao tạm thời chờ làm các thủ tục tiếp theo số diện tích khai hoang phục hóa là $360m^2$ từ năm 1982. Yêu cầu trong thời gian sử dụng đất ông S phải nộp thuế sử dụng đất hàng năm theo quy định của pháp luật đất đai” tuy nhiên từ thời điểm được tạm giao đến nay, hộ ông S không thực hiện các nghĩa vụ tài chính về việc sử dụng đất. Do vậy, việc gia đình ông S có đơn chuyển đổi diện tích đất 95% để UBND xã Vinh Quang làm quy hoạch khu dân cư, còn gia đình ông được hợp thức hóa $360m^2$ đất khai hoang làm đất ở là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 07/07/2002, ông S có đơn xin làm quán mở dịch vụ trên mảnh đất không canh tác ven QL10. UBND xã Vinh Quang đã ký nhất trí cho gia đình ông S được làm quán đồng thời sử dụng ở phần cuối giáp cống 16 mét...yêu cầu không được cản trở chân cầu cống và lề đường. Cùng ngày, ông S đã nộp 2.000.000 đồng với lý do nộp tiền: lệ phí mở quán kinh doanh (có phiếu thu).

Tại Biên bản làm việc ngày 29/12/2016, ông Phạm Quốc S1 - nguyên cán bộ địa chính xã Vinh Quang trình bày: Năm 2002, hộ ông S có đơn xin làm quán kinh

doanh tại khu đất vỡ hoang giáp cống Kênh Trang, UBND xã có nhất trí cho ông Slam quán tạm thời và thu lệ phí 2.000.000 đồng. Song về diện tích làm quán của ông S, UBND xã không giao đất và không đo đất. Tại Biên bản chuyển đổi mục đích sử dụng đất ngày 08/02/2002, ông S1 ghi theo đơn đề nghị của gia đình chứ không có căn cứ.

[6] Theo Bản đồ địa chính năm 2000 do Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng Sở xây dựng lập phục vụ việc thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo đường 10, tỷ lệ 1:500, thể hiện: mặt đường Quốc lộ 10 rộng 1,2 cm tương đương 6m trên thực tế. Chỉ giới GPMB năm 2000 không thu hồi về phía nhà ông S mà mở rộng về phía đối diện. Chỉ giới GPMB nằm trên mặt đường Quốc lộ 10, nằm cách mép đường tại vị trí nhà ông S 0,9 cm, tương đương 4,5m.

Theo Bản đồ chồng ghép GPMB năm 2000 và 2015, chỉ giới giải phóng mặt bằng (GPMB) năm 2015 cách chỉ giới GPMB năm 2000 một cạnh là 0,4 cm; một cạnh 0,5cm, tương ứng 2 – 2,5 m trên thực tế, xê dịch về phía nhà ông S.

Như vậy, tổng diện tích đất tính từ mép nhựa QL10 hiện trạng đến chỉ giới GPMB 2015 là 42,8m² thuộc đất công trình QL10 cũ, còn cách mép đường quốc lộ 10 năm 2000 tại vị trí đất nhà ông S là 2,5 – 2 mét, diện tích đất thu hồi năm 2015 vẫn nằm trong diện tích mặt đường quốc lộ 10 cũ, là đường giao thông do hộ ông S tự sử dụng, xây dựng công trình là vi phạm Luật Đất đai, Luật Giao thông đường bộ, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi.

Vì diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp QL 10 là đất công trình đường bộ do hộ ông S tự ý sử dụng, không được bồi thường hỗ trợ về đất nên UBND huyện VB không thực hiện việc ban hành Quyết định thu hồi đất đối với Ông Dương Văn S theo quy định của Luật đất đai năm 2013 là đúng quy định.

[7] Về việc công khai, công bố đầy đủ thông tin trong việc bồi thường GPMB theo Điều 69 Luật Đất đai năm 2013: Theo tài liệu có trong hồ sơ, UBND huyện, hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đã thực hiện công khai và niêm yết công khai các văn bản liên quan đến đền bù, hỗ trợ GPMB cho ông S, tổ chức tiếp nhận và trả lời kiến nghị của ông S theo quy định.

[8] Về tổ chức cưỡng chế, phá dỡ tài sản thu hồi đất cho nhà thầu thi công khi gia đình chưa bàn giao mặt bằng: Hộ gia đình ông S sau khi nhận tiền hỗ trợ tài sản, cây cối, hoa màu và ký biên bản bàn giao mặt bằng nhưng không tự tháo dỡ tài sản, bàn giao mặt bằng theo quy định. UBND huyện chưa ban hành quyết định cưỡng chế và chưa thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với hộ ông S.

[9] Đối chiếu với các quy định nêu trên thì Chủ tịch UBND huyện VB đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định, đúng thẩm quyền và căn cứ pháp luật. Quyết định 7462/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện VB không phê duyệt bồi thường về đất cho gia đình ông S là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ông Dương Văn S về

việc Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7462/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện VB là không có căn cứ để chấp nhận.

[10] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu của người khởi kiện đề nghị được bồi thường về đất khi thu hồi đối với diện tích 42,8m² nêu trên là không có căn cứ.

[11] Do đó, các công trình, vật kiến trúc trên diện tích đất 42,8m² không được bồi thường, mà chỉ được hỗ trợ theo nội dung Công văn số 4549/UBND-GT ngày 25/12/2015 của UBND thành phố, bằng 30% mức giá quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố. Theo Biên bản kiểm kê ngày 28/12/2015, tài sản nằm trên đất thuộc hành lang giao thông thì được hỗ trợ 30% mức bồi thường = 78.576.558 đồng. Ông S đã nhận tiền hỗ trợ vào các ngày 14/10/2016; 03/3/2017; 17/4/2017; 26/10/2017 và ký cam kết sau khi nhận tiền sẽ tự tháo dỡ và bàn giao phần đất đã chiếm dụng cho Nhà nước. Như vậy, yêu cầu khiếu nại của ông S là không có căn cứ. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7462/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện VB không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông S là đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội: Người khởi kiện là Ông Dương Văn S trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001; Điều 127 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Dương Văn S về việc: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7462/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện VB về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các nội dung về phê duyệt phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 tại xã Vinh Quang.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Ông Dương Văn S là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Dương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng (cấp trên trực tiếp của người bị kiện);
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Mạnh Nguyễn Thành Biên

Nguyễn Văn Thiệm

[8] Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi của hộ gia đình ông Bàng trên đã vi phạm Điều 8 của Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội Đồng Bộ Trưởng về Hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ quy định; vi phạm Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; vi phạm Điều 15 của Nghị

định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Theo Bản đồ địa chính trích đo năm 2000 do Công ty tư vấn thiết kế công trình xây dựng – Sở xây dựng Hải Phòng lập, có xác nhận của Sở địa chính thì chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2000 nằm trên đường 10 cũ, cách mép nhựa đường 10 cũ về phía nhà ông Bàng là $6\text{mm} \times 500 = 3\text{m}$. Theo trích lục bản đồ năm 2015 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập, tỷ lệ 1:500 (bản đồ chồng ghép) thấy rằng: Khoảng cách từ chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 được mở rộng thêm về phía nhà ông Bàng so với chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2000 là $4,5\text{mm} \times 500 = 2,25\text{m}$. Chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 cũng nằm trên đường 10 cũ và cách mép nhựa đường 10 cũ về phía nhà ông Bàng là 0,85 mét. Do vậy khẳng định rằng diện tích đất GPMB năm 2015 nằm trên mặt đường nhựa cũ trước năm 2000 trở ra nên cũng không phải đất do ông Skhai hoang phục hóa từ năm 1982 và UBND xã chuyển đổi thành quán bán hàng được. Diện tích đất bị thu hồi nằm trong hành lang an toàn giao thông, mặc dù gia đình ông Bàng sử dụng trước năm 2004 nhưng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đây là hành vi chiếm đất theo quy định tại Điều 3 Nghị định 102/2014/NĐ-CP và vi phạm vào khoản 2 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008. Do vậy không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, toàn bộ phần đất bị thu hồi nằm trên mặt đường QL 10 cũ (đất hành lang giao thông) nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi theo Điều 75 Luật Đất đai.